

Số: 368 /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung)
Hội Chất lượng thành phố Hồ Chí Minh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Theo Biên bản Đại hội toàn thể Hội Chất lượng Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ III (2017 - 2022) vào ngày 17 tháng 01 năm 2017;

Xét đề nghị của Hội Chất lượng Thành phố tại Công văn số 01/2017/VQAH-BCH ngày 23 tháng 01 năm 2017 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 586/TTr-SNV ngày 21 tháng 02 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Chất lượng thành phố Hồ Chí Minh đã được Đại hội toàn thể Hội Chất lượng thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ III (2017 - 2022) thông qua ngày 17 tháng 01 năm 2017.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Hội Chất lượng thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các Sở - ngành có liên quan và Chủ tịch Hội Chất lượng thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ban Dân vận Thành ủy;
- Ban Tổ chức Thành ủy;
- Sở Nội vụ (3b);
- Công an Thành phố;
- VPUB: các PVP;
- Phòng KT, TH;
- Lưu: VT, (VX/Đn).*do*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Thu

Nguyễn Thị Thu

ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
HỘI CHẤT LƯỢNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 868/QĐ-UBND
ngày 02 tháng 5 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi

1. Tên tiếng Việt: Hội Chất lượng thành phố Hồ Chí Minh.
2. Tên tiếng Anh: Vietnam Quality Association of Ho Chi Minh City.
3. Tên viết tắt: VQAH.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Chất lượng thành phố Hồ Chí Minh (dưới đây gọi tắt là hội) là một tổ chức xã hội - nghề nghiệp tự nguyện của các cá nhân, tổ chức thuộc mọi thành phần kinh tế hoạt động trong lĩnh vực chất lượng hoặc tham gia áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến như ISO 9000 (Quản lý chất lượng), ISO 14000 (Quản lý môi trường), GMP/HACCP/SQF/GlobalGAP/ISO 22000 (Quản lý an toàn thực phẩm), OHSAS 18001 (Quản lý an toàn sức khỏe và nghề nghiệp), SA 8000/ISO 26000 (Trách nhiệm xã hội), TQM (Quản lý chất lượng toàn diện), nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, giúp đỡ nhau ngày càng hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh và đất nước Việt Nam.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.
2. Trụ sở của Hội đặt tại: số 72 đường số 2, phường 3, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi thành phố Hồ Chí Minh trong lĩnh vực chất lượng.
2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.

3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền mục đích của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong môi quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước, cung cấp dịch vụ công và các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.
8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.
9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao (nếu có).

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.
2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

Hội viên của Hội gồm: Hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức:

- Hội viên tổ chức: Là các tổ chức thuộc mọi thành phần kinh tế đóng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động trong lĩnh vực chất lượng hoặc tham gia áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến như ISO 9000, ISO 14000, TQM, GMP, HACCP, SQF 2000, ISO 22000, OHSAS 18001, SA 8000...; tán thành Điều lệ của Hội, tự nguyện viết đơn gia nhập Hội, được Ban Chấp hành Hội xem xét kết nạp.

- Hội viên cá nhân: Là các cá nhân sinh sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh quan tâm về lĩnh vực chất lượng, có công đóng góp vào thực hiện tôn chỉ, mục đích của Hội; tán thành Điều lệ của Hội, tự nguyện viết đơn gia nhập Hội, được Ban Chấp hành Hội xem xét kết nạp.

b) Hội viên liên kết:

- Là các doanh nghiệp và các tổ chức có yếu tố nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và Việt Nam nói chung quan tâm tới áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, có nguyện vọng muốn tham gia để trao đổi kinh nghiệm, tán thành Điều lệ của Hội, tự nguyện viết đơn gia nhập hội, được Ban Chấp hành Hội xem xét kết nạp.

c) Hội viên danh dự:

- Là các tổ chức, cá nhân có tâm huyết về lĩnh vực chất lượng, tích cực đóng góp cho sự hình thành và phát triển của Hội, được Ban Thường trực Hội mời làm hội viên danh dự.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.
2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.
3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.
4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.
5. Được giới thiệu hội viên mới.
6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.
7. Được cấp thẻ hội viên (nếu có).
8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.
9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.
2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.
3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.
4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.
5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra Hội

1. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên:
 - Làm đơn gia nhập Hội theo mẫu qui định.
 - Đơn gia nhập hội sẽ được Ban Thường trực của Hội xét và quyết định công nhận (hay không công nhận) Hội viên chính thức và Hội viên liên kết. Thời hạn xem xét là không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đơn. Các tổ chức, cá nhân được coi là hội viên của Hội kể từ khi được chấp nhận gia nhập và nộp đủ phí gia nhập. Hội viên chính thức và Hội viên liên kết đóng hội phí hàng năm theo Quy chế tài chính của Hội.
2. Thủ tục ra Hội
 - Hội viên tự xin ra khỏi hội, cần làm đơn gửi cho Ban Chấp hành Hội.

- Hội viên bị khai trừ ra khỏi Hội do vi phạm nghiêm trọng Điều lệ của Hội, gây tổn thất tới uy tín và lợi ích của Hội.

- Bị cơ quan Nhà nước đình chỉ hoặc chấm dứt hoạt động, bị giải thể hay tuyên bố phá sản.

- Chết hoặc bị kết tội theo một bản án có hiệu lực pháp luật.

- Ban Thường trực đề xuất, Chủ tịch ký quyết định chấm dứt quyền hội viên. Quyền và nghĩa vụ hội viên chấm dứt sau khi Ban Chấp hành hội ra thông báo danh sách hội viên xin ra khỏi hội, hội viên bị khai trừ và hội viên xóa tên cho tất cả hội viên khác biết.

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường trực.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng và Các tổ chức thuộc Hội.

Điều 13. Đại Hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; Phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

đ) Thông qua nghị quyết Đại hội.

e) Các nội dung khác.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy viên Ban Thường trực, bầu bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số Ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng Ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định hoặc theo đề nghị của trên 1/2 số Hội viên chính thức.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp thường kỳ 06 (sáu) tháng 01 (một) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường trực hoặc trên 50% (năm mươi) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 50% (năm mươi) Ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 50% (năm mươi) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường trực Hội

1. Ban Thường trực Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường trực Hội gồm: Chủ tịch, các Phó chủ tịch và các Ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Thường trực do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường trực cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường trực:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường trực:

a) Ban Thường trực hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường trực mỗi quý họp 01 (một) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 50% (năm mươi) tổng số Ủy viên Ban Thường trực;

c) Các cuộc họp của Ban Thường trực là họp lệ khi có trên 50% (năm mươi) Ủy viên Ban Thường trực tham gia dự họp. Ban Thường trực có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường trực quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường trực được thông qua khi có trên 50% (năm mươi) tổng số Ủy viên Ban Thường trực dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và một số Ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường trực, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

- Ban Kiểm tra có nhiệm vụ kiểm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội; kiểm tra việc chấp hành Điều lệ; kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của Hội; giải quyết thư khiếu nại tố cáo có liên quan đến các hội viên và các tổ chức của Hội. Ban Kiểm tra có quyền yêu cầu Hội viên và các Tổ chức của Hội báo

cáo những vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm tra đã được Ban Thường trực đồng ý.

- Kiểm tra về tài chính và báo cáo kết quả kiểm tra trước Ban Chấp hành và trước Đại hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 17. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường trực;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường trực ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội do Ban Thường trực bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 18. Tổng Thư ký

- Là người điều hành trực tiếp mọi hoạt động của Văn phòng Hội.

- Xây dựng Quy chế hoạt động của Văn phòng, Quy chế quản lý tài chính, tài sản của Hội trình Ban Chấp hành phê duyệt.

- Báo cáo cho Ban Thường trực và Ban Chấp hành về các hoạt động của Hội.

- Lập báo cáo hàng năm, báo cáo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Hội.

- Quản lý danh sách, tài liệu và hồ sơ về Hội viên và các tổ chức trực thuộc.

- Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành và trước pháp luật về hoạt động của Văn phòng Hội.

Điều 19. Văn phòng và Các tổ chức trực thuộc Hội

- Văn phòng Hội là bộ phận giúp việc, tham mưu cho Ban Chấp hành và Tổng Thư ký. Văn phòng gồm Chánh Văn phòng và một số nhân viên. Tổng Thư ký có thể kiêm nhiệm Chánh Văn phòng.

- Các nhân viên của Văn phòng Hội được tuyển dụng và làm việc theo chế độ hợp đồng có thời hạn hoặc là cán bộ chuyển công tác hoặc biệt phái từ các đơn vị hội viên.

- Bộ máy Văn phòng do Tổng Thư ký đề nghị và Chủ tịch Hội bổ nhiệm. Căn cứ vào việc phát triển của Hội, Văn phòng có thể thành lập một số phòng, ban, tổ chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu của Hội.

- Kinh phí hoạt động của Văn phòng do Tổng Thư ký dự trù trình Ban Chấp hành Hội duyệt.

Văn phòng Hội có nhiệm vụ:

- Thực hiện các nghiệp vụ tổ chức, tổng hợp, kế toán, thông tin, báo cáo cho Ban Chấp hành, Tổng Thư ký và toàn thể các thành viên của Hội.

- Giúp việc Tổng Thư ký phối hợp hoạt động với các Ban chuyên môn, các tổ chức thuộc Hội, các Đại hội toàn thể thành viên, các Hội nghị thường niên, các hội thảo chuyên đề hay các hội thảo tập huấn khác.

- Thực hiện việc quản lý hồ sơ Hội viên bao gồm việc gia nhập, điều chỉnh, bổ sung, xin rút, khai trừ; thu phí gia nhập và hội phí.

- Quản lý tài sản và tài chính của Hội.

Các tổ chức trực thuộc Hội được thành lập theo quyết định của Ban Thường trực Hội từ yêu cầu thực tế nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Hội và các hội viên.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 20. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về Hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 21. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);
- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 22. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.
2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.
3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.
4. Ban Kiểm tra có trách nhiệm kiểm tra và báo cáo tài chính, tài sản công khai hàng năm cho hội viên biết.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.
2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 24. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội, làm tổn thương đến uy tín, danh dự của

hội; bỏ sinh hoạt Hội thường kỳ nhiều lần không có lý do chính đáng, không đóng hội phí hàng năm, sẽ tùy mức độ mà phê bình, khiển trách, cảnh cáo hoặc xóa tên trong danh sách Hội viên hoặc đề nghị các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm theo qui định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội toàn thể Hội Chất lượng thành phố Hồ Chí Minh mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được trên 50% (năm mươi) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Chất lượng thành phố Hồ Chí Minh gồm 08 (tám) Chương, 26 (hai mươi sáu) Điều đã được Đại hội toàn thể Hội Chất lượng thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ III (2017 - 2022) thông qua ngày 17 tháng 01 năm 2017 tại thành phố Hồ Chí Minh và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

2. Căn cứ quy định pháp luật về Hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Chất lượng thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Thu